

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 629/TB-ĐHKH

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

**Danh sách sinh viên vi phạm quy định công tác sinh viên
học kỳ I năm học 2025-2026**

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 08/4/2026 của Hội đồng Khen thưởng và Kỷ luật người học Trường Đại học Khoa học, học kỳ I năm học 2025-2026, Nhà trường thông báo danh sách sinh viên vi phạm quy định công tác sinh viên (*tự ý nghỉ học không phép, không tham gia học tập*).

Trong thời hạn 01 tuần kể từ ngày ban hành thông báo, nếu sinh viên có nguyện vọng tiếp tục theo học tại Trường, đề nghị chủ động liên hệ với Nhà trường (*qua Phòng Khảo thí và Quản lý người học*) để được xem xét theo quy định.

Quá thời hạn nêu trên, nếu sinh viên không liên hệ, Nhà trường sẽ hoàn tất các thủ tục xử lý theo quy định hiện hành và không giải quyết các đề nghị phát sinh sau thời hạn.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/Bộ môn/Viện;
- QLVB;
- Lưu: VT, KT&QLNH (2).

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KT&QLNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



TS. Trương Phúc Hưng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN VI PHẠM CÔNG TÁC SINH VIÊN
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo công văn số: /TB-ĐHKH ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Khoa học)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ghi chú
1.	DTZ23017310614043	Đỗ Thị Thanh Hường	Hàn Quốc học A - K21	
2.	DTZ24017310614022	Nguyễn Thị Dung	Hàn Quốc học B - K22	
3.	DTZ24017310614049	Nguyễn Thị Thùy Linh	Hàn Quốc học B - K22	
4.	DTZ25011387	Đồng Thị Trà My	Hàn Quốc học A - K23	
5.	DTZ25013883	Ma Thị Thu Nương	Hàn Quốc học B - K23	
6.	DTZ23017810101036	Nguyễn Thị Thảo	Du lịch - K21	
7.	DTZ25011773	Phạm Ngọc Linh	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành B - K23	
8.	DTZ25012029	Lý Trung Nhất	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành B - K23	
9.	DTZ2157810101029	Ngô Hồng Tuấn	Du lịch - K20	
10.	DTZ25010141	Mã Thị Minh Nguyệt	Du lịch A - K23	
11.	DTZ25011875	Chu Anh Tuấn	Du lịch A - K23	
12.	DTZ25013992	Thào Thị Xía	Du lịch A - K23	
13.	DTZ25010260	Lưu Thị Minh Huệ	Du lịch B - K23	
14.	DTZ25011265	Lâm Thị Thu Hường	Du lịch B - K23	
15.	DTZ25013774	Đỗ Đức Minh	Du lịch B - K23	
16.	DTZ25012968	Tạ Việt Thành	Du lịch B - K23	
17.	DTZ25011137	Phạm Thị Thu Thùy	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành A - K23	
18.	DTZ23017810103043	Nguyễn Anh Tiến	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành B - K21	
19.	DTZ23017810101118	Lộc Công Huy	Du lịch - K21 (Hà Giang)	
20.	DTZ24017340401040	Mã Phương Thảo	Khoa học quản lý A - K22	
21.	DTZ24017340401065	Dương Thị Lan Hương	Khoa học quản lý B - K22	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ghi chú
22.	DTZ24017340401057	Nguyễn Hoàng Giang	Khoa học quản lý B - K22	
23.	DTZ25013918	Lương Ngọc Trâm Anh	Khoa học quản lý A (QLNL) - K23	
24.	DTZ25010300	Lăng Thị Thu Mai	Khoa học quản lý A (QLNL) - K23	
25.	DTZ25013355	Đinh Tuấn Tú	Khoa học quản lý A (QLNL) - K23	
26.	DTZ25013893	Triệu Thuý Nhi	Công tác xã hội - K23	
27.	DTZ25012715	Đặng Thị Hương Trà	Lịch sử C - K23	
28.	DTZ25012982	Nguyễn Thu Huệ	Lịch sử C - K23	
29.	DTZ25013804	Trần Hà Vi	Lịch sử C - K23	
30.	DTZ25012015	Vàng Thị Xuyên	Lịch sử C - K23	
31.	DTZ25013702	Vàng Thị Xuyên	Lịch sử C - K23	
32.	DTZ25012342	Nguyễn Thanh Xuân	Lịch sử C - K23	
33.	DTZ25012641	Nguyễn Thị Thu Phương	Lịch sử B - K23	
34.	DTZ25012810	Vũ Thị Minh Thư	Lịch sử B - K23	
35.	DTZ25013742	Vy Mạnh Kiên	Lịch sử A - K23	
36.	DTZ25011302	Tạ Thanh Tài	Lịch sử A - K23	
37.	DTZ25013899	Hoàng Văn Nghĩa	Khoa học quản lý C (QLKT) - K23	
38.	DTZ25012201	Ngôn Văn Khánh	Khoa học quản lý B (QLNL) - K23	
39.	DTZ25013346	Lý Thị Yên	Khoa học quản lý B (QLNL) - K23	
40.	DTZ25013963	Dương Quốc Huy	Khoa học quản lý B (QLNL) - K23	
41.	DTZ25013696	Nguyễn Minh Quân	Quản lý Tài nguyên và Môi trường - K23	
42.	DTZ25012164	Nguyễn Kim Anh	Văn K23D	
43.	DTZ25012944	Nguyễn Đức Mạnh	Ngôn ngữ Anh B (GD) - K23	
44.	DTZ25013147	Vàng Văn Cương	Ngôn ngữ Anh D (TAUD) - K23	
45.	DTZ25013772	Nguyễn Thị Yến Anh	Ngôn ngữ Anh K (SNAH) - K23	
46.	DTZ25013825	Dương Hải Đăng	Ngôn ngữ Anh K (SNAH) - K23	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ghi chú
47.	DTZ24017229030157	Đào Thị Linh	Văn học A - K22	
48.	DTZ25013993	Hoàng Thị Tương	Ngôn ngữ Anh E (SNAT) - K23	
49.	DTZ25013792	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	Ngôn ngữ Anh E (SNAT) - K23	
50.	DTZ25013743	Sùng A Quả	Ngôn ngữ Anh E (SNAT) - K23	
51.	DTZ25010481	Nguyễn Thị Linh	Ngôn ngữ Anh E (SNAT) - K23	
52.	DTZ25010563	Nguyễn Lan Hương	Ngôn ngữ Anh E (SNAT) - K23	
53.	DTZ24017220201068	Trần Thu Hà	Ngôn ngữ Anh A (SNAT) - K22	
54.	DTZ25011600	Lương Yến Chi	Ngôn ngữ Anh G (SNAT) - K23	
55.	DTZ25011351	Hoàng Thị Dung	Ngôn ngữ Anh G (SNAT) - K23	
56.	DTZ25013873	Vũ Mạnh Thái	Ngôn ngữ Anh H (SNAT) - K23	
57.	DTZ25011860	Đặng Viết Đoàn	Ngôn ngữ Anh C (TAUD) - K23	
58.	DTZ25013685	Nguyễn Phương Hà	Ngôn ngữ Anh C (TAUD) - K23	
59.	DTZ25011798	Ngũ Triều Phúc	Ngôn ngữ Anh C (TAUD) - K23	
60.	DTZ24017229030052	Dương Thị Ngọc Linh	Văn học B - K22	
61.	DTZ24017229030101	Hà Thị Hoài Thu	Văn học B - K22	
62.	DTZ24017229030178	Nguyễn Phương Nga	Văn học B - K22	
63.	DTZ24017220201473	Vũ Ngọc Lan	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	
64.	DTZ24017220201479	Hoàng Ngọc Thắng	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	
65.	DTZ24017220201359	Hoàng Thị Thu Thảo	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	
66.	DTZ24017220201361	Lê Mai Thương	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	
67.	DTZ24017220201480	Vương Thanh Trúc	Ngôn ngữ Anh F (Lào Cai) - K22	
68.	DTZ24017460117047	Lê Hoàng Anh	Toán - Tin - K22	
69.	DTZ24017460117044	Vàng Minh Châu	Toán - Tin - K22	
70.	DTZ24017460101154	Hoàng Đức Cường	Toán A - K22	
71.	DTZ24017460101103	Hoàng Thị Thùy Trang	Toán A - K22	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ghi chú
72.	DTZ25013803	Vũ Bá Phú	Toán - Tin (Tiếng Việt) - K23	
73.	DTZ25013915	Sùng Vinh Quang	Toán - Tin (Tiếng Việt) - K23	
74.	DTZ25014033	Lường Thu Trà	Toán - Tin (Tiếng Việt) - K23	
75.	DTZ25013184	Trần Hải Đăng	Toán học B (Tiếng Việt) - K23	
76.	DTZ25012270	Nguyễn Mai Phương	Toán học B (Tiếng Việt) - K23	
77.	DTZ24017420201004	Bùi Đoàn Nam Dương	Công nghệ Sinh học - K22	
78.	DTZ24017420201019	Lò Tiến Mạnh	Công nghệ Sinh học - K22	
79.	DTZ25012976	Dương Nông Hoài Anh	Trung Quốc học G - K23	
80.	DTZ25012158	Vương Thị Duyên	Trung Quốc học G - K23	
81.	DTZ25011466	Trần Thị Huế	Trung Quốc học G - K23	
82.	DTZ25013939	Bàn Thị Kim	Trung Quốc học G - K23	
83.	DTZ25013246	Hà Thị Kim Chi	Trung Quốc học L - K23	
84.	DTZ25013199	Giảng Thị Hạnh	Trung Quốc học L - K23	
85.	DTZ25013235	Bùi Duy Long	Trung Quốc học L - K23	
86.	DTZ25011018	Nguyễn Phương vi	Trung Quốc học L - K23	
87.	DTZ25013946	Nguyễn Thị Thu Huệ	Trung Quốc học C - K23	
88.	DTZ25012741	Hoàng Thị Khuyên	Trung Quốc học K - K23	
89.	DTZ25013299	Vi Việt Hoàng	Trung Quốc học M - K23	
90.	DTZ25013141	Ngô Thị Thực	Trung Quốc học M - K23	
91.	DTZ25011483	Nông Thị Thuỳ Linh	Trung Quốc học K - K23	
92.	DTZ22017310612156	Phạm Thị Linh Chi	Trung Quốc học C - K20	
93.	DTZ24017310612516	Phạm Thị Phương Thảo	Trung Quốc học D - K22	
94.	DTZ25012721	La Thị Mai Anh	Trung Quốc học I - K23	
95.	DTZ25011691	Long Văn Đức	Trung Quốc học I - K23	
96.	DTZ25013935	Bàn Minh Hải	Trung Quốc học I - K23	
97.	DTZ25010754	Hoàng Mai Lan	Trung Quốc học I - K23	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ghi chú
98.	DTZ25011752	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	Trung Quốc học I - K23	
99.	DTZ24017310612027	Liều Thị Minh Ánh	Trung Quốc học H - K22	
100.	DTZ24017310612251	Nông Mỹ Lệ	Trung Quốc học H - K22	
101.	DTZ24017310612284	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Trung Quốc học H - K22	
102.	DTZ25010265	Hoàng Văn Tiến	Trung Quốc học F - K23	
103.	DTZ25012021	Nguyễn Thanh Thảo	Vật lý A (GD)-K23	
104.	DTZ25013929	Nguyễn Đức Thịnh	Vật lý A (GD)-K23	
105.	DTZ25011167	Nguyễn Thị Hồng Châm	Vật lý A (GD)-K23	
106.	DTZ24017380101170	Lò Tiến Đạt	Luật K22 – C	
107.	DTZ25012111	Đỗ Ngọc Linh	Luật K23 - B	
108.	DTZ25010844	Nguyễn Việt Thành	Luật K23 - B	
109.	DTZ25014045	Bế Thị Yến Chi	Luật K23 - C	
110.	DTZ25013354	Phùng Quốc Hiếu	Luật K23 - C	
111.	DTZ25013467	Nguyễn Trà My	Luật K23 - C	
112.	DTZ25013808	Hứa Minh Quân	Luật K23 – C	
113.	DTZ25012702	Nguyễn Thu Trang	Luật K23 – C	
114.	DTZ24017340401004	Nguyễn Tuấn Anh	KHQL A – K22	
115.	DTZ24017340401120	Triệu Nguyên Bình	KHQL A – K22	
116.	DTZ24017340401130	Trần Thùy Trang	KHQL A – K22	
117.	DTZ25013142	Phan Khánh Linh	CTXH K23	
118.	DTZ25013627	Từ Ngọc Linh	CTXH K23	
119.	DTZ25014067	Hoàng Huyền Thư	CTXH K23	
120.	DTZ24017340401070	Đồng Thị Lan	KHQL B- K22	

Ấn định danh sách 120 sinh viên./.